BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN

Tháng 03/2013

THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến
- Trụ sở chính : Đường số 13 – KCN Tân Bình – Phường Tây Thạnh – Quận Tân Phú – Tp. HCM.
- Điện thoại : (84-08) 3 8160 777
- Fax : (84-08) 3 8160 888
- Website : www.tapack.com.vn
- Email : tantien@hcm.fpt.vn
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu : 528.714.935.118 đồng
- Giấy CNĐKKD : Do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Cấp lần đầu ngày 28/12/2004, thay đổi lần thứ 06 ngày 16/11/2011. Mã số doanh nghiệp: 0300391040
- Mã chứng khoán : TTP

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- **Năm 1966**

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến được thành lập với tên gọi ban đầu là Việt Nam Nhựa dẻo Công ty (Simiplast).

Sau giải phóng năm 1975, Công ty được Nhà nước tiếp quản và đổi tên thành Nhà máy Nhựa Tân Tiến theo Quyết định số 45/CNn/TCQL ngày 13/01/1977 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công nghiệp).

Ngày 07/5/1993, Doanh nghiệp nhà nước Nhà máy Nhựa Tân Tiến chính thức được thành lập lại theo Quyết định số 451/CNn/TCLD của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

Ngày 29/4/1994 được đổi tên thành Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến theo Quyết định số 449/QD-TCLD của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

- **Năm 2003**

Đầu năm 2003, Công ty đưa vào hoạt động một nhà máy sản xuất mới tại Khu Công nghiệp Tân Bình với tổng diện tích là 50.000 m^2

- **Năm 2004**

Thực hiện Quyết định số 624/QĐ-TCCB ngày 23/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Công ty bao bì nhựa Tân Tiến, ngày 28/12/2004 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với tên gọi chính thức là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến.

Ngày 27/11/2004, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thành lập và bầu ra Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- **Năm 2006**

Ngày 09/11/2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định số 70/UBCK-GPNY về việc cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu Công ty cổ nhựa bao bì nhựa Tân Tiến trên Trung tâm GDCK Thành phố Hồ chí Minh. Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 10.655.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 106.550.000.000 đồng.

Ngày 24/11/2006, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận số 46/2006/GCNCP/CNTTLK chứng nhận Cổ phiếu Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã đăng ký lưu ký chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 05/12/2006 (Mã chứng khoán: TTP).

- **Năm 2007**

Trong năm 2007, Công ty chính thức đưa vào hoạt động dự án mở rộng nhà xưởng tại Nhà máy bao bì số 2 (Khu công nghiệp Tân Bình)

Ngày 14/09/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định số 172/UBCK-ĐKPH về việc chấp thuận cho Công ty cổ nhựa bao bì nhựa Tân Tiến phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty từ 106.550.000.000 đồng lên 150.000.000.000 đồng.

- **Năm 2011**

Chuyển trụ sở Công ty về Đường số 13 – KCN Tân Bình – Quận Tân Phú – Tp.HCM

- **Năm 2012**

Nhà nước thoái vốn hoàn toàn số lượng cổ phiếu 27,3% nắm giữ tại Công ty

III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- *Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh các sản phẩm bao bì mềm phức hợp*
- *Địa bàn kinh doanh: lãnh thổ Việt Nam*

SẢN PHẨM

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu hiện tại của Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến là sản xuất bao bì mềm phức hợp cao cấp, Công ty liên tục trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại theo công nghệ tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm bao bì màng ghép cao cấp, màng phức hợp, túi phức hợp các loại đáp ứng nhu cầu càng cao của khách hàng.

Sản phẩm chủ yếu của Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến là các mặt hàng bao bì nhựa phức hợp, trong đó bao bì thực phẩm và hàng tiêu dùng chiếm khoảng 70%-80% sản lượng. Các sản phẩm bao bì của Công ty hiện nay được chia thành các nhóm sản phẩm như: Bánh kẹo, bột ngọt, bột giặt, mỹ phẩm, hàng đông lạnh, mì ăn liền, thực phẩm chế biến, thuốc trừ sâu ….

Bao bì chất tẩy rửa

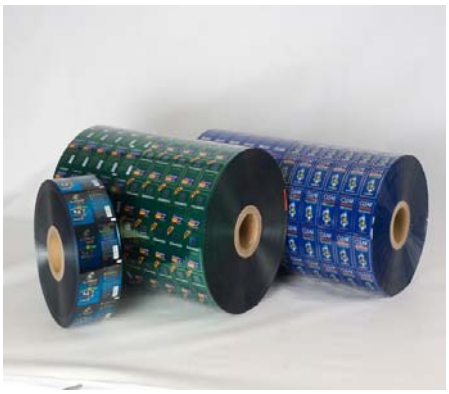

Bao bì thực phẩm

Các sản phẩm khác

KHÁCH HÀNG CHÍNH

Unilever, Trung Nguyên Coffee, Vinamilk, Vedan, Kinh Đô, Ajinomoto

Vina Acecook, Pepsico, Perfetti Van Melle, NutiFood, Nestlé

Dutch Lady, Bayer, ICP, Wipro, Unza, Colgate-Palmolive Company

IV. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG

- ĐHCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Tổng Giám đốc bổ nhiệm: Phó Tổng Giám đốc, giám đốc các nhà máy và trưởng các phòng ban khác.
- Công ty thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động và phù hợp với quy định của Luật lao động. Khi chuyển sang Công ty Cổ phần, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác của người lao động được Công ty tiếp tục thực hiện.
- Bộ máy tổ chức của Công ty hiện nay bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành chung, Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất, Khối văn phòng (bao gồm: Phòng Bán, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Mua, Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng kế hoạch, Phòng kho vận), Khối sản xuất (bao gồm: Nhà máy chế bản, Nhà máy in, Nhà máy ghép màng, Nhà máy cuộn túi, Ngành Cơ điện) và Chi nhánh tại Bắc Ninh.

1. *Sơ đồ tổ chức công ty*

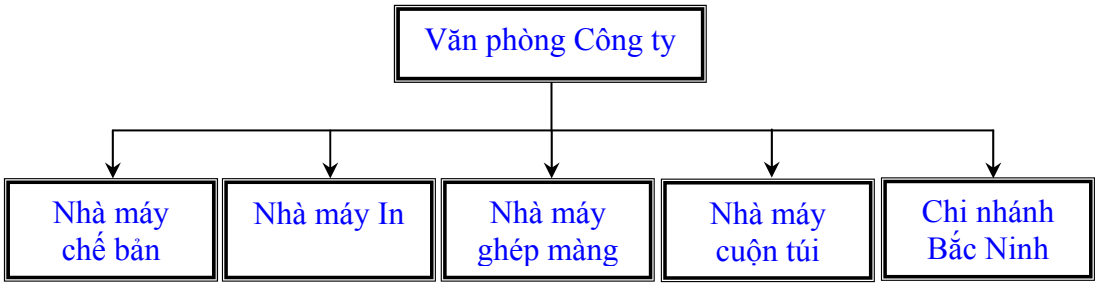

STT	Nội dung	Địa chỉ	Điện thoại - Fax
1	Văn phòng công ty	Đường số 13 - Khu Công nghiệp Tân Bình – Quận Tân Phú – TP. HCM	(84-8) 3 8160 777 (84-8) 3 8160 888
2	Nhà máy chế bản	117/2 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM	(84-8) 39612753
3	Nhà máy in	Đường số 13 - Khu Công nghiệp Tân Bình – Quận Tân Phú – TP. HCM	(84-8) 3 8160 777 (84-8) 3 8160 888
4	Nhà máy ghép màng	Đường số 13 - Khu Công nghiệp Tân Bình – Quận Tân Phú – TP. HCM	(84-8) 3 8160 777 (84-8) 3 8160 888
5	Nhà máy cuộn túi	Đường số 13 - Khu Công nghiệp Tân Bình – Quận Tân Phú – TP. HCM	(84-8) 3 8160 777 (84-8) 3 8160 888
6	Chi nhánh Bắc Ninh	Hoàn Sơn – Từ Sơn – Bắc Ninh	024 13764596 024 13764597

2. *Chức năng nhiệm vụ các phòng ban.*

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và được thông qua hàng năm tại Đại hội cổ đông thường niên, là người tổ chức điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo định hướng và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
- Phòng Bán: chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và triển khai chiến lược tiếp thị sản phẩm, bao gồm định hướng sản phẩm, đối tượng khách hàng, giá cả và chế độ khuyến mãi. Kiểm soát chiến lược bán hàng, theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng và hậu mãi...
- Phòng Tài chính kế toán chịu: trách nhiệm thiết lập, triển khai và kiểm soát chính sách, hệ thống quy trình kế toán tài chính theo đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện công tác quản trị tài chính tại Công ty, xem xét và đề xuất các giải pháp với Ban Tổng Giám đốc trong việc kiểm soát chi phí.
- Phòng Mua: Triển khai và kiểm soát hoạt động mua hàng, nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị… với mục tiêu bảo đảm nguồn nguyên vật liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho cho hoạt động sản xuất

- Phòng Tổ chức hành chính: chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho toàn Công ty; xây dựng quy trình tuyển dụng; xây dựng và kiểm soát thực thi Nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể; giải quyết các tranh chấp về lao động và xây dựng các chương trình huấn luyện và đào tạo… Chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện công việc về hành chính, y tế, an ninh… Thiết lập và duy trì tốt mối quan hệ với các cơ quan chức năng. Tổ chức thực hiện an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm;
- Phòng đảm bảo chất lượng (QA): chịu trách nhiệm quản lý và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001: 2000 toàn Công ty. Chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo về chất lượng từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, tổ chức giải quyết khiếu nại của khách hàng; tổ chức và giám sát việc thực thiện các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, chất thải.
- Phòng R&D: Kiểm soát hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cải tiến công nghệ hiện tại; đề xuất và giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng với mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm hiện tại; phát triển sản phẩm mới và hoàn tất các kế hoạch đầu tư của Công ty. Tổ chức xây dựng định mức sản xuất, xây dựng và giám sát việc áp dụng chính sách, tiêu chuẩn, quy trình về kỹ thuật công nghệ như: lưu trữ mẫu, định mức sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật công nghiệp; hỗ trợ đào tạo về công nghệ cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Ngành Cơ điện: chịu trách nhiệm lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát quy trình sửa chữa và bảo quản máy móc thiết bị, đánh giá yếu tố kỹ thuật của các máy móc thiết bị chuẩn bị mua, đề xuất các quy định về ATLĐ-PCCN.
- Phòng Kế hoạch: Lập kế hoạch sản xuất cho các nhà máy bao bì; Lập kế hoạch và kiểm soát việc gia công sản xuất màng ghép.
- Phòng kho vận: Lập yêu cầu nguyên vật liệu, phụ liệu; điều phối hàng hoá, nguyên vật liệu giữa các kho với mục tiêu đảm kế hoạch giao hàng, cung cấp đủ NVL cho sản xuất và hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu
- Nhà máy chế bản: giao dịch trực tiếp với khách hàng, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm soát công tác thiết kế mẫu cho khách hàng, đảm bảo mẫu thiết kế đúng tiêu chuẩn để tạo ra những sản phẩm đúng chất lượng và quy cách theo yêu cầu của khách hàng.
- Nhà máy in, Nhà máy ghép màng, Nhà máy cuộn túi: chịu trách nhiệm chính trong việc sản xuất ra sản phẩm bao bì để cung cấp cho khách hàng.
- Chi nhánh tại Bắc Ninh: sản xuất bao bì như các nhà máy, đồng thời là nơi trung chuyển hàng hoá để cung cấp cho các khách hàng của Công ty tại khu vực phía Bắc.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tháng 12/2002, Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến đạt chứng nhận ISO 9002: 1994

Tháng 06/2003, Công ty bao bì nhựa Tân Tiến đạt chứng nhận ISO 9001:2000

Ngày 16/09/2009, Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã chính thức được tổ chức TÜV Rheinland (CHLB Đức) cấp chứng chỉ ISO 14001:2004

Tháng 12/2010, Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã chính thức được tổ chức BSI Việt Nam cấp hệ thống tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội (SA 8000) và tiêu chuẩn An toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS 18000)

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong những năm tới Công ty sẽ duy trì mức độ tăng trưởng, giữ vững vị thế của Công ty trong lĩnh vực sản xuất bao bì mềm phức hợp trong đó định hướng phát triển theo hướng tự động hóa trong hoạt động sản xuất. Triển khai chương trình thực hiện sản xuất hàng xuất khẩu nhằm khai thác thị trường mới và nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận.

TẦM NHÌN:

Đến năm 2020, trở thành một trong những công ty hàng đầu về sản xuất bao bì nhựa mềm trong khu vực Đông Nam Á.

SỨ MỆNH:

Sản phẩm của chúng tôi tạo ra giá trị cho đối tác bằng các giải pháp bao bì sáng tạo, cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và chia sẻ trách nhiệm bảo vệ môi trường.

VI. NHÃN HIỆU THƯƠNG MẠI

Nhãn hiệu đăng ký: **Tapack**

Logo:

Nhãn hiệu hàng hóa Công ty Cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến sử dụng là nhãn hiệu đã được đăng ký và bảo hộ tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa số 30567 do Cục Sở hữu Công nghiệp cấp ngày 30/03/1999 theo Quyết định số 1370/QĐNH. Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa này cũng đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý gia hạn, sửa đổi theo quyết định số A4808/QĐ-ĐK ngày 16/05/2005.

Mô tả về logo: Trên logo có chữ TAPACK màu đỏ là viết tắt của chữ **Ta**nTien Plastic **Pack**aging Co. Biểu tượng trên logo là cách điệu công nghệ sản xuất của Công ty: như từ nhiều lớp màng ghép thành 01 lớp màng (công nghệ ghép màng), chữ "Since1966" màu đen ở phía dưới thể hiện Công ty được thành lập từ năm 1966.

VII. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tân Tiến là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công bán thành sản phẩm làm tư liệu sản xuất cho các doanh nghiệp sản xuất khác nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tân Tiến phụ thuộc hoàn toàn vào hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp này. Đồng thời sự phát triển của các doanh nghiệp này lại phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế, do đó sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ gây ảnh hưởng gián tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trên 90% nguyên vật liệu sản xuất chính của Công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài, chiếm khoảng từ 50% - 70% giá thành sản xuất của công ty. Do đó, sự thay đổi về chính sách ngoại hối và biến động về tỷ giá hối đoái sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến giá nhập khẩu nguyên vật liệu và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành bao bì nhựa của Tân Tiến liên quan trực tiếp đến vấn đề môi trường và sức khoẻ cộng đồng.

Hiện nay Tân Tiến luôn phải đảm bảo tuân thủ các qui định nghiêm ngặt về môi trường như tiêu chuẩn sản phẩm bao bì, về xử lý nước thải, ô nhiễm... những vấn đề này rất nhạy cảm vì một khi mức sống tăng cao, yêu cầu về tiêu chuẩn sức khoẻ cũng tăng theo. Do đó một sự thay đổi về chính sách của Chính phủ có thể ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến công tác quản trị và hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay, phần lớn nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm của Công ty (màng nhựa, hạt nhựa PE…) phải nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thời gian vừa qua nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa tăng mạnh, nhu cầu dự trữ nguyên vật liệu nhựa của các quốc gia lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan tăng cao cùng với việc giá dầu thô trên thế giới tăng cao cùng với việc giá dầu thô trên thế giới tăng cao làm giá của các loại nguyên vật liệu nhập khẩu tăng mạnh gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hầu hết các nguyên liệu nhựa có nguồn gốc từ dầu mỏ và phần lớn (55%-65%) có xuất xứ từ các nước sản xuất dầu mỏ hàng đầu thế giới như Iran, Iraq, Kuwait, Ả Rập Saudi ... Những năm vừa qua, tình hình biến động về kinh tế, chính trị tại các quốc gia này thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng rất lớn đến giá cả nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới do đó ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

Trong thời gian các năm vừa qua, mặt dù Tân Tiến đã áp dụng nhiều biện pháp để hạn chế ảnh hưởng biến động giá nguyên vật liệu và ít nhiều thu được kết quả khả quan. Tuy nhiên, việc biến động giá ngyên vật liệu phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố bên ngoài, vào tình hình kinh tế, chính trị cuả các quốc gia trên mà Tân Tiến không thể lường trước được, do đó những nỗ lực của Tân Tiến cũng không hoàn toàn giảm thiểu rủi ro này.

4. Rủi ro khác

Nhựa là sản phẩm dễ bắt cháy nên nguy cơ xảy ra hoả hoạn là rất lớn. Bên cạnh đó, các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ, .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, không thể lường trước được. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản và gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

I) BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2012 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Suy thoái trong khu vực đồng euro cùng với khủng hoảng tín dụng và tình trạng thất nghiệp gia tăng tại các nước thuộc khu vực này vẫn đang tiếp diễn. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Một số nước và khối nước lớn có vị trí quan trọng trong quan hệ thương mại với nước ta như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật bản và EU đối mặt với nhiều thách thức nên tăng trưởng chậm. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể.

Tốc độ tăng GDP năm 2012 chỉ đạt hơn 5,03% (thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây). Tiếc rằng chủ trương chấp nhận giảm tốc độ tăng GDP để củng cố điều kiện kinh tế vĩ mô và triển khai cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế lại chưa được khẳng định mạnh mẽ nên mặc dù so với cùng kỳ GDP quí I chỉ tăng có 4,64%, quí II nhích lên 4,8% và quí III tăng 5,05% - đều là những quí có tốc độ tăng trưởng thấp hơn hẳn trong vòng 5 năm qua. Rõ ràng những bất ổn kinh tế vĩ mô tích tụ trong mấy năm gần đây đã buộc Việt Nam phải chuyển trọng tâm chính sách từ ưu tiên tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Năm 2012 tổng cầu tiêu dùng tuy có cải thiện hơn so với năm 2011 nhưng vẫn tăng thấp hơn so với những năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tăng 16% so với năm 2011 nhưng chỉ bằng một nửa so với giai đoạn 2007-2010.

Trong khi doanh nghiệp trong nước lao đao thì hệ thống siêu thị bán buôn, bán lẻ nước ngoài không ngừng mở rộng, bành trướng khắp nơi: Công ty Lotte Mart đã tăng đầu tư vào Việt Nam với số vốn lên đến 50 triệu USD. Còn từ đầu năm 2012 đến nay, Metro Cash&Carry mở thêm 7 trung tâm phân phối tại Việt Nam. Gần đây nhất là ngày 4/10/2012 đã khai trương thêm trung tâm mua sắm thứ 18 tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Còn Parkson mở thêm 5 trung tâm mua sắm trong năm 2012. Big C mở thêm 13 trong số 18 đại siêu thị dự kiến đưa vào hoạt động… Ngoài ra còn rất nhiều tập đoàn bán lẻ chuẩn bị xâm nhập thị trường bán lẻ Việt Nam như: Takashimaya - Tập đoàn bán lẻ hàng đầu Nhật Bản, tập đoàn bán lẻ Aeon (Nhật Bản), Tập đoàn E- Mart (Hàn Quốc). Điều đáng nói là các Tập đoàn bán lẻ nước ngoài mở kênh phân phối tại Việt Nam nhưng hầu như các sản phẩm đóng gói bày bán trong hệ thống siêu thị đều được nhập từ nước ngoài về, điều này làm cho tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm có sử dụng bao bì đóng gói tại Việt Nam (các nhà sản xuất sản phẩm tiêu dùng tại Việt Nam) sẽ giảm do sự chia sẽ thị phần vô hình chung sẽ ảnh hưởng lớn đến các nhà sản xuất bao bì trong đó có Tân Tiến.

Cùng song hành với các khó khăn chung của ngành và nền kinh tế đất nước, Tân Tiến cũng rất khó khăn trong sản xuất kinh doanh, các đối thủ dùng chiến lược giảm lợi nhuận thông qua giảm giá bán để lấy đơn hàng. Đứng trước tình hình đó Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra những đưa ra những quyết sách phát triển phù hợp với tình hình kinh tế như: giảm giá bán để giữ thị trường, tăng năng suất để đảo bảo doanh thu; nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm phi hao trong sản xuất để tìm kiếm lợi nhuận...

Đối với Công ty, năm 2012 vẫn là một năm khó khăn trong việc thực hiệc chỉ tiêu do Đại hội cổ đông đề ra Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra những đưa

II) NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Tổng vốn điều lệ của Tân Tiến hiện là 150 tỷ vnd (Khoảng 7,2 triệu USD). Nhà máy chính đang hoạt động với tổng mặt bằng rộng 50.000 m2 và thiết bị máy móc hiện đại do các nhà sản xuất danh tiếng trên thế giới.

Hệ thống chất lượng:

- ✓ Hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty đạt chuẩn của hệ thống quản lý chuất lượng ISO9001:2008.
- ✓ Phòng Lab của Tân Tiến được xây dựng đạt tiêu chuẩn và trang bị thiết bị dụng cụ hiện đại để kiểm soát hầu hết các tiêu chí cần thiết của ngành bao bì nhựa: phân tích cấu trúc, OTR, WVTR, GC, độ bám dính, độ bền đường hàn, COF, quản lý màu sắc…

Máy đo thẩm thấu hơi nước & Oxy

Thiết bị in:

- ✓ *Với 9 máy in hiện đại, Tân Tiến có thể cung cấp ra thì trường trên 400 triệu m2 sản phẩm in hằng năm. Thiết bị in của chúng tôi đạt tốc độ tối đa lên đến 400 m/phút.*
- ✓ *Tân Tiến có thể đáp ứng như cầu đa dạng cho các sản phẩm in trên bề mặt PET, BOPP, PE, Nylon, giấy kraft…dùng trong thực phẩm và phi thực phẩm.*

Thiết bị ghép màng

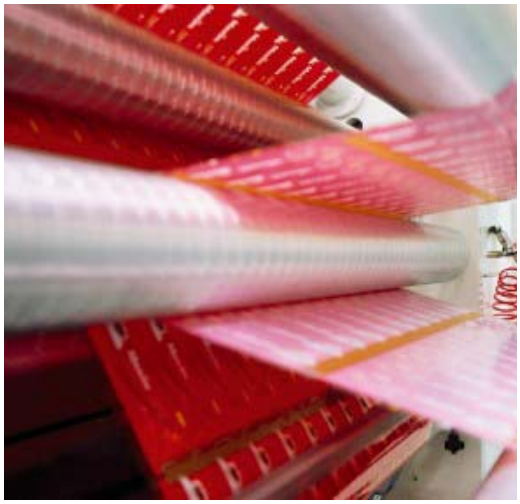

Sớm nắm bắt xu hướng công nghệ, Tân Tiến có khả năng đáp ứng cao nhất về các qui trình ghép màng tại Việt Nam: ghép khô dung môi, ghép khô không dung môi, ghép tráng nóng và ghép tráng nóng coex. Nhờ đó, Tân Tiến có thể sản xuất những loại màng phức đơn giản đến phức tạp như màng tuýp kem đánh răng, túi thực phẩm hầm…

Thiết bị thổi màng

Màng thổi là một nguyên liệu chủ yếu của bao bì nhựa, quyết định tính chất của sản phẩm. Tân Tiến đã mạnh dạn đầu tư máy móc và chất xám cho lãnh vực này để có thể cung cấp ra thị trường những sản phẩm bao bì nhựa sử dụng màng thổi do chính Tân Tiến sản xuất.

III) TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Thành viên Ban điều hành công ty

➢ **Ông Lê Minh Cường – Tổng giám đốc**

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 03/1984: Nhân viên phòng TCKT Công ty XD KV2 Bộ Vật tư
- 7/1985 – 12/1987: Nhân viên Ban Tài vụ Sư đoàn 367, QC Phòng không
- 12/1987 – 4/2001: Nhân viên Phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 4/2001 – 7/2003 : Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 08/2003 – 12/2004 : Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 01/01/2005 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 1.677.429 cổ phần

➢ **Ông Bùi Quang Thịnh – Phó Tổng Giám đốc**

Trình độ chuyên môn : Cử nhân hoá lý

Quá trình công tác:

- 1976 – 1993: Công tác tại Nhà máy Nhựa Tân Tiến nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến với các chức vụ như sau : Công nhân trực tiếp sản xuất, Tổ trưởng sản xuất, Trưởng phòng kỹ thuật.
- 1993 – 2004 : Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 2005 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 64.549 cổ phần

➢ **Bà Đoàn Thu Nhạn – Kế toán trưởng**

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác :

- 1989 – 2004 : Nhân viên phòng TCKT - Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 2004 – 2005 : Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 01/2005 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ : 104.863 cổ phần

2. Thay đổi ban điều hành trong năm: không có sự thay đổi

3. Tổng số lao động của Công ty đến cuối năm 2012 là 864 người.

Trong đó:

- Trình độ đại học và cao học : 102 người chiếm 11,81%.
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật : 354 người chiếm 40,97%.
- Tốt nghiệp PTTH, có tay nghề : 408 người chiếm 47,22%.

Tân Tiến chú trọng đến việc phát triển và giữ chân nguồn nhân lực trong các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời cam kết tham gia các hoạt động, công tác từ thiện nhằm hỗ trợ cộng đồng xung quanh.

Tấn Tiến xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của Công ty nên đã tiến hành đào tạo nhân viên thông qua các chương trình phát triển nâng cao năng lực để đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các buổi tập huấn theo chủ đề định kỳ được thực hiện bởi các chuyên gia trong lĩnh vực sản xuất của Công ty.

IV) TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
1.	Tổng giá trị tài sản	668.889.833.676	646.589.717.152	103,45%
2.	Doanh thu thuần	1.492.419.932.430	1.570.632.661.631	95,02%
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	51.932.313.394	75.308.734.245	68,96%
4.	Lợi nhuận khác	3.726.868.871	564.342.977	660,39%
5.	Lợi nhuận trước thuế	55.659.182.265	75.873.077.222	73,36%
6.	Lợi nhuận sau thuế	40.907.850.335	65.429.622.318	62,52%
7.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	100%

2. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1.	***Chỉ tiêu về khả năng thanh toán***			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	3,90	3,62	
	- Hệ số thanh toán nhanh	2,82	2,21	
2.	***Chỉ tiêu về cơ cấu vốn***			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	20,96%	19,35%	
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	26,51%	23,99%	
3.	***Chỉ tiêu về năng lực hoạt động***			
	Vòng quay hàng tồn kho:	8,55	8,38	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	243%	223%	
4.	***Chỉ tiêu về khả năng sinh lời***			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,17%	2,74%	
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,55%	7,74%	
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,12%	6,12%	
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,79%	3,48%	

V) CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách người sở hữu chứng khoán ngày 26/03/2013 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh cung cấp, số lượng và cơ cấu vốn cổ đông của Công ty như sau:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
Tổng số		**14.999.998**	**100,00%**
• **Đã lưu ký**		**14.799.738**	**98,66%**
Trong đó			
➢ Cá nhân trong nước	684	7.030.529	46,87%
➢ Tổ chức trong nước	24	5.834.236	38,89%
➢ Cá nhân nước ngoài	60	99.821	0,67%
➢ Tổ chức nước ngoài	10	1.835.152	12,23%
• **Chưa lưu ký**		**201.402**	**1,34%**
Trong đó			
➢ Cá nhân trong nước	47	115.560	0,77%
➢ Tổ chức trong nước	2	84.700	0,57%

Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 45,89%.
Cổ đông sở hữu từ 1% - 5% cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 36,41%
Cổ đông sở hữu từ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 17,70%

VI) BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Với các khó khăn chung của nền kinh tế đất nước, của ngành sản xuất bao bì và cũng như khó khăn của các khách hàng trực tiếp, Tân Tiến gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Trong năm 2012, Công ty vẫn duy trì việc cung cấp cho các khách hàng lớn của Tân Tiến như: Unilever VN, Ajinomoto, Vedan, Miwon, Acecook, Trung Nguyên, Kinh đô; Bayer Vietnam; Vinamilk… Khách hàng luôn tin tưởng về năng lực sản xuất, tiến độ giao hàng, chất lượng sản phẩm do Công ty sản xuất. Tuy nhiên do ảnh hưởng của nền kinh tế lên trực tiếp các khách hàng của Tân Tiến làm cho sản lượng đặt hàng của các khách hàng không đáp ứng kỳ vọng của Tân Tiến. Bên cạnh đó là sự phát triển nhanh chóng của hệ thống siêu thị bán buôn, bán lẻ nước ngoài làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và sản lượng của chính khách hàng của Tân Tiến vô hình chung ảnh hưởng đến sản lượng của Công ty.

Năm 2012 Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2012, các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau:

- Thị trường bị thu hẹp do sức mua trong dân giảm, đối thủ cạnh tranh khốc liệt.
- Chi phí đầu vào tăng, khả năng tiếp cận vốn khó.
- Bộ phận bán hàng còn thụ động, chính sách bán hàng chưa hoàn thiện...

Nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012 chịu nhiều tác động của kinh tế thế giới và trong nước, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu và kế hoạch lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu chưa cao nhưng Công ty bảo toàn được vốn và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và người lao động.

Stt	*Chỉ tiêu*	*ĐVT*	*Kế hoạch năm 2012*	*Thực hiện năm 2012*	*So với KH 2012 (%)*
1.	Doanh thu	*Tỷ*	1.600	1.500	93,75%
2.	Lợi nhuận trước thuế	*Tỷ*	80	55,67	69,59%
3.	Cổ tức	*%*	20	20	100,00%
4.	Lao động bình quân	*Người*	1000	865	86,50%

2. Kế hoạch năm 2013

Stt	*Chỉ tiêu*	*ĐVT*	*Kế hoạch năm 2013*
1.	Tổng doanh thu	*Tỷ*	***1.600***
2.	Lợi nhuận trước thuế	*Tỷ*	***50***
3.	Cổ tức	*%*	***20***

3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2013

Để thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, Ban lãnh đạo Công ty chú trọng tập trung thực hiện tốt các công việc trọng tâm như sau:

- Thay đổi và nâng cao nhận thức, phong cách làm việc và quản lý từ cấp quản lý cho đến từng người Công nhân với phương châm "Thay đổi để tồn tại".
- Điều chỉnh lại chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế dựa trên những thế mạnh và kết quả đạt được. Nắm sát tình hình để chỉ đạo điều hành kịp thời trước những thay đổi của thị trường, biến động của tình hình kinh tế trong nước và thế giới.
- Áp dụng các công cụ để thay đổi hành vi của người lao động, xây dựng và giám sát mục tiêu, chỉ số hoạt động của các bộ phận, gia tăng hiệu quả phối hợp giữa các phòng ban…
- Tập trung vào việc tự động hoá, đầu tư máy móc có năng suất cao.
- Thực hiện các chương trình đào tạo cụ thể, sâu sát để có đội ngũ công nhân đáp ứng yêu cầu sản xuất, nâng cao có trọn tâm năng lực quản lý trong từng bộ phận nhất là chú trọng vào đào tạo cho đội ngũ quản lý cấp trung và cấp giám sát.
- Nâng cao hiệu quả của công tác nghiên cứu sản phẩm mới theo chiều sâu nhằm tìm kiếm giá trị gia tăng của sản phẩm, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh hiện có của Công ty.
- Từng bước áp dụng chương trình LEAN trong toàn Công ty để đem lại lợi ích cho Công ty.
- Hoàn thiện chương trình BSC, thiết lập bộ phận giám sát tài chính.
- Tăng hiệu quả hoạt động của các hệ thống quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001:2008, môi trường ISO 14000:2004, Trách nhiệm xã hội (SA 8000) và tiêu chuẩn An toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS 18000). Tiến hành các thủ tục, quy trình, quy định, các điều kiện cần có để thực hiện hệ thống quản lý an toàn thực phẩm HACCP 22000
- Xây dựng dây chuyền sản xuất đủ điều kiện về GMP để sản xuất cho sản phẩm liên quan đến dược phẩm.
- Khai thác hiệu quả tối đa nguồn vốn chủ sở hữu, tăng cường kiểm soát dự trữ hàng tồn kho, giám sát tốt tình hình công nợ, chi phí... Thiết lập danh mục đầu tư phù hợp, điều chỉnh lại hệ số đòn cân nợ của mình.

VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

HĐQT có 05 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 05 năm, trong năm qua các thành viên HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm và công việc của mình, không có mâu thuẫn về quyền lợi, xung đột lợi ích với Công ty

➢ **Chủ tịch HĐQT – Ông Lê Minh Cường**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 03/1984 : Nhân viên phòng TCKT Công ty XD KV2 - Bộ Vật tư
- 7/1985 – 12/1987 : Nhân viên Ban Tài vụ Sư đoàn 367, QC Phòng không
- 12/1987 – 4/2001 : Nhân viên Phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 4/2001 – 7/2003 : Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 08/2003 – 12/2004 : Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 01/01/2005 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ:1.677.429 cổ phần

➢ **Thành viên HĐQT – Ông Bùi Quang Thịnh**

Trình độ chuyên môn : Cử nhân hoá lý

Quá trình công tác:

1976 – 1993 : Công tác tại Nhà máy Nhựa Tân Tiến nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến với các chức vụ như sau : Công nhân trực tiếp sản xuất, Tổ trưởng sản xuất, Trưởng phòng kỹ thuật.

1993 – 2004 : Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến

2005 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 64.549 cổ phần

➢ **Thành viên HĐQT – Bà Đoàn Thu Nhạn**

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác :

- 1989 – 2004 : Nhân viên phòng TCKT - Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 2004 – 2005 : Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 01/2005 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ : 104.863 cổ phần

➢ **Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Đình Khánh**

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:

- 08/1994 - 12/2005: Nhân viên nhà máy chế bản – Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến
- 01/2006 - 03/2006: Phó giám đốc nhà máy chế bản
- 04/2006 - 10/2008: Phó phòng bán hàng - Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 11/2008 - nay : Trưởng phòng bán hàng - Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Bán hàng Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 13.539 cổ phần

➢ ***Hoạt động của HĐQT trong năm 2012***

Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác. Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết.

Hội đồng Quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác, và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước các cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban Tổng giám đốc công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua.

Trong năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 07 cuộc họp (có sự tham gia của BKS), nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2011, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2012; Báo cáo thẩm định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của Ban kiểm soát và một số báo cáo khác trình Đại hội cổ đông năm 2012.
- Triển khai việc thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2012.
- Tiến hành đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và đưa ra các giải pháp điều hành phù hợp.
- Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Hà Nội.
- Chi trả cổ tức đợt 2/2011 và đợt 1/2012.
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2013.
- Công tác chuẩn bị ĐHCĐ năm 2013.

➢ **Thù lao HĐQT, Ban giám đốc**

	Năm nay	***Năm trước***
Thù lao, lương	***4.418.748.600***	***3.558.402.701***

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 thành viên: mỗi thành viên có nhiệm kỳ 05 năm. Trưởng Ban Kiểm soát Công ty có chuyên môn về tài chính - kế toán

➢ **<u>Trưởng Ban Kiểm soát – Bà Trương Thị Thanh Huyền</u>**

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính kế toán

<u>Quá trình công tác:</u>

– 9/1996 – 12/1996: Nhân viên kế toán tại Phòng Đại diện Bảo hiểm Khu vực 6 Công ty Bảo Hiểm Tp.HCM
– 01/1997 – 04/2001: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
– 05/2001 – 04/2008 : Nhân viên Phòng TCKT Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến.
– 04/2008 : Nhân viên Phòng TCHC Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến.

Chức vụ hiện nay: Trưởng ban BKS - Phó Phòng Nhân sự Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ : 32.163 cổ phần

➢ **Thành viên Ban kiểm soát – Ông Huỳnh Thanh Kháng**

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

– 1991 – 2005 : Nhân viên sửa chữa điện, Tổ trưởng sửa chữa

– 2006 – nay : Trưởng Ngành Cơ điện Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ hiện nay: Thành viên BKS – Trưởng Ngành Cơ điện Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 32.930 cổ phần

➢ **Thành viên Ban kiểm soát – Ông Chế Anh Tuấn**

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

– 1980 – 1987 :Quân đội Nhân dân Việt Nam - Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật tên lửa

– 1987 – nay : Công tác tại Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS – Giám đốc Nhà máy cuộn túi Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 32.082 cổ phần

➢ **Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012**

- Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty như xem xét phạm vi, kết quả kiểm toán với kiểm toán độc lập, thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ v.v...
- Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu thấy cần thiết.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp một cách độc lập, khách quan.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012, các quyết định của HĐQT.
- Thực hiện công tác giám sát thường xuyên hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2012.

3. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*

- Trong năm 2012: Chủ tịch HĐQT tăng sở hữu cổ phiếu công ty từ: 177.429 cổ phần 1.677.429 cổ phần

IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. *Ý kiến kiểm toán viên*

Số: 40/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến được lập ngày 22 tháng 02 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

2. *Báo cáo tài chính năm 2012*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	VI.1	**1.500.945.145.654**	**1.578.637.410.503**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	8.525.213.224	8.004.748.872
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	VI.3	**1.492.419.932.430**	**1.570.632.661.631**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.4	**1.395.761.081.928**	**1.455.460.158.853**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**96.658.850.502**	**115.172.502.778**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	9.387.262.646	9.940.981.135
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	83.471.514	5.793.695.229
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*154.133.333*	*1.008.578.050*
8. Chi phí bán hàng	24		20.000.665.237	18.284.976.808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.029.663.003	25.726.077.631
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**51.932.313.394**	**75.308.734.245**
11. Thu nhập khác	31		3.989.540.903	586.339.468
12. Chi phí khác	32		262.672.032	21.996.491
13. Lợi nhuận khác	**40**		**3.726.868.871**	**564.342.977**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**55.659.182.265**	**75.873.077.222**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	14.751.331.930	10.443.454.904
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**40.907.850.335**	**65.429.622.318**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**	VI.8	**2.727**	**4.362**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		**508.189.671.929**	**487.281.490.842**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	**39.629.339.309**	**116.004.899.012**
1. Tiền	111		8.690.010.327	12.228.899.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.939.328.982	103.776.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	**756.252.000**	**932.950.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		954.380.000	1.707.174.682
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(198.128.000)	(774.224.682)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		**267.975.566.348**	**233.249.134.924**
1. Phải thu khách hàng	131		198.579.689.008	191.709.097.964
2. Trả trước cho người bán	132		71.519.987.797	42.711.821.243
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	40.494.350	562.592.873
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.164.604.807)	(1.734.377.156)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	**198.428.791.381**	**134.375.412.370**
1. Hàng tồn kho	141		198.428.791.381	134.375.412.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		**1.399.722.891**	**2.719.094.536**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.266.187.702	2.708.267.426
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		123.535.189	827.110
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.000.000	10.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		**160.700.161.747**	**159.308.226.310**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	220		**158.157.280.330**	**155.758.749.208**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	131.056.170.695	129.799.274.660
- Nguyên giá	222		540.860.619.499	498.665.671.298
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(409.804.448.804)	(368.866.396.638)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	9.789.027.084	9.449.152.907
- Nguyên giá	228		19.451.056.541	18.703.996.291
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(9.662.029.457)	(9.254.843.384)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	17.312.082.551	16.510.321.641
III. Bất động sản đầu tư	240		**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		**-**	**-**
V. Tài sản dài hạn khác	260		**2.542.881.417**	**3.549.477.102**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.542.881.417	3.549.477.102

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		267.218.710	267.218.710
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		459,53	245.943,55
- CHF		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.632.861.383.272	1.749.618.176.360
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(1.368.222.462.819)	(1.488.226.379.787)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(113.902.069.804)	(109.625.130.107)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(154.133.333)	(1.008.578.050)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(15.666.935.783)	(11.152.217.923)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	5.859.708.510	4.742.962.268
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(118.564.926.330)	(4.226.744.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	***22.210.563.713***	***140.122.088.450***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(78.997.660.483)	(46.473.978.074)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	469.519.999	20.090.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.707.445.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	307.650.000	8.362.095.318
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.635.524.068	8.812.362.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	***(68.584.966.416)***	***(30.986.873.973)***

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.400.000.000	82.518.947.784
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.400.000.000)	(91.608.713.419)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.001.157.000)	(30.018.119.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	***(30.001.157.000)***	***(39.107.884.635)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**(76.375.559.703)**	**70.027.329.842**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**116.004.899.012**	**45.985.468.074**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(7.898.904)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**39.629.339.309**	**116.004.899.012**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I) ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 90/2004/QĐ-BCN ngày 13 tháng 09 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ CôngNghiệp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 06 ngày 16 tháng 11 năm 2011.
- Trụ sở chính của Công ty tại Lô II, Cụm 4, Đường số 13 Khu Công Nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau :

Tên Địa chỉ: Chi nhánh Bắc Ninh Cụm công nghiệp Tân Hồng – Hoàn Sơn mở rộng, thôn Bất Lự, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và mua bán sản phẩm bao bì; Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị phụ tùng, khuôn in ống đồng phục vụ sản xuất ; Kinh doanh bất động sản.

II) KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III) CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ.

IV) CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:
    - Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
    - Máy móc, thiết bị 05 năm
    - Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 07 năm
    - Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 06 năm
    - Các tài sản khác 04 năm
    - Phần mềm máy tính 03 năm
    - Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian thuê đến tháng 06/2049

    (*) Trong năm Công ty có thay đổi thời gian khấu hao của một số nhà cửa vật kiến trúc, thời gian khấu hao thay đổi từ 6 năm lên 10 năm, làm cho khấu hao giảm đi 1,75 tỷ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắnhạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và đuợc tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu

được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi

trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên

Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	155.917.187	1.818.993.640
Tiền gửi ngân hàng	8.042.140.987	6.076.566.033
Tiền đang chuyển	491.952.153	4.333.339.339
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	30.939.328.982	103.776.000.000
Cộng	**39.629.339.309**	**116.004.899.012**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng Cổ phần	31/12/2012 VND	Số lượng Cổ phần	01/01/2012 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		***954.380.000***		***1.707.174.682***
- Công ty CP FPT (FPT)	3.250	169.000.000	5.000	325.000.000
- Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	-	-	14.100	762.294.682
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET)	20.000	338.000.000	20.000	338.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (PIT)	5.460	63.380.000	5.250	63.380.000
- Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai (QGC)	-	-	5.000	132.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico (UIC)	-	-	5.000	86.000.000
- Tổng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	10.000	384.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		***(198.128.000)***		***(774.224.682)***
Cộng		**756.252.000**		**932.950.000**

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	350.784.000
Phải thu khác	40.494.350	211.808.873
Cộng	**40.494.350**	**562.592.873**

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	190.382.219.311	127.720.973.960
Công cụ, dụng cụ	28.825.402	34.735.099
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.764.143.957	2.804.702.001
Thành phẩm	5.253.602.711	3.812.999.973
Hàng hóa	-	2.001.337
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**198.428.791.381**	**134.375.412.370**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**198.428.791.381**	**134.375.412.370**

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**56.293.255.629**	**380.335.458.359**	**54.879.973.492**	**4.225.036.549**	**2.931.947.269**	**498.665.671.298**
Số tăng trong năm	**26.424.739.692**	**13.834.457.419**	**1.897.464.272**	**433.838.092**	**351.427.818**	**42.941.927.293**
- Mua sắm mới	*-*	*13.834.457.419*	*1.897.464.272*	*433.838.092*	*351.427.818*	*16.517.187.601*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*26.424.739.692*	*-*	*-*	*-*	*-*	*26.424.739.692*
Số giảm trong năm	**746.979.092**	**-**	**-**	**-**	**-**	**746.979.092**
- Thanh lý, nhượng bán	*746.979.092*	*-*	*-*	*-*	*-*	*746.979.092*
Số dư cuối năm	**81.971.016.229**	**394.169.915.778**	**56.777.437.764**	**4.658.874.641**	**3.283.375.087**	**540.860.619.499**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**43.174.569.723**	**283.936.415.325**	**35.553.321.469**	**3.662.763.133**	**2.539.326.988**	**368.866.396.638**
Số tăng trong năm	**3.952.622.704**	**30.757.367.805**	**6.287.894.837**	**358.899.726**	**321.864.381**	**41.678.649.453**
- Khấu hao trong năm	*3.952.622.704*	*30.757.367.805*	*6.287.894.837*	*358.899.726*	*321.864.381*	*41.678.649.453*
Số giảm trong năm	**740.597.287**	**-**	**-**	**-**	**-**	**740.597.287**
- Thanh lý, nhượng bán	*740.597.287*	*-*	*-*	*-*	*-*	*740.597.287*
Số dư cuối năm	**46.386.595.140**	**314.693.783.130**	**41.841.216.306**	**4.021.662.859**	**2.861.191.369**	**409.804.448.804**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**13.118.685.906**	**96.399.043.034**	**19.326.652.023**	**562.273.416**	**392.620.281**	**129.799.274.660**
Tại ngày cuối năm	**35.584.421.089**	**79.476.132.648**	**14.936.221.458**	**637.211.782**	**422.183.718**	**131.056.170.695**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 248.352.270.658

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	**18.212.323.731**	**491.672.560**	**18.703.996.291**
Mua mới trong năm	-	747.060.250	747.060.250
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**18.212.323.731**	**1.238.732.810**	**19.451.056.541**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	**8.879.753.146**	**375.090.238**	**9.254.843.384**
Khấu hao trong năm	228.380.124	178.805.949	407.186.073
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**9.108.133.270**	**553.896.187**	**9.662.029.457**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	**9.332.570.585**	**116.582.322**	**9.449.152.907**
Tại ngày cuối năm	**9.104.190.461**	**684.836.623**	**9.789.027.084**

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình nhà xưởng sản xuất bao bì tại khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh	*15.047.558.005*	*15.047.558.005*
Nhà xưởng tại khu công nghiệp Tân Bình - Thành phố Hồ Chí Minh	*2.264.524.546*	*1.462.763.636*
Cộng	**17.312.082.551**	**16.510.321.641**

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phân bổ công cụ, dụng cụ	2.542.881.417	3.549.477.102
Cộng	**2.542.881.417**	**3.549.477.102**

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế xuất, nhập khẩu	167.436.003	257.219.241
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.888.472.525	4.804.076.378
Thuế thu nhập cá nhân	25.258.200	7.042.624.512
Thuế bảo vệ môi trường	156.136.000	-
Cộng	**4.237.302.728**	**12.103.920.131**

10. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Điện, nước, điện thoại	900.849.053	812.464.774
Cước vận chuyển hàng	1.170.295.944	1.269.924.974
Chi phí khác	371.682.519	971.004.865
Cộng	**2.442.827.516**	**3.053.394.613**

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	6.753.205.149	2.966.905.401
Bảo hiểm xã hội	394.437.970	-
Bảo hiểm y tế	200.850.725	73.014.706
Bảo hiểm thất nghiệp	63.498.529	9.505.417
Cổ tức phải trả	185.084.000	186.245.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.699.274.744	2.075.741.403
Cộng	**10.296.351.117**	**5.311.411.927**

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	**149.999.980.000**	**154.777.960.000**	**121.903.997.224**	**11.908.641.769**	**61.123.353.266**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	65.429.622.318
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	26.780.017.450	3.706.167.563	(57.123.353.266)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*26.780.017.450*	-	*(26.780.017.450)*
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	*3.706.167.563*	*(3.706.167.563)*
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	*(11.118.502.690)*
- Cổ tức đợt 2/2010	-	-	-	-	*(14.999.998.000)*
- Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	*(518.667.563)*
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	*(16.999.998.000)*
- Trả cổ tức đợt 1/2011(10%)	-	-	-	-	*(14.999.998.000)*
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					*(2.000.000.000)*
Tăng quỹ đầu tư phát triển phần thuế TNDN được giảm 50%	-	-	8.436.546.913	-	(8.436.546.913)
Số dư cuối năm trước	**149.999.980.000**	**154.777.960.000**	**157.120.561.587**	**15.614.809.332**	**43.993.077.405**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	40.907.850.335
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	19.293.771.864	-	(37.993.077.405)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*19.293.771.864*	-	*(19.293.771.864)*
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	*(3.699.307.541)*
- Cổ tức đợt 2/2011	-	-	-	-	*(14.999.998.000)*
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	(14.999.998.000)
- Trả cổ tức đợt 1/2012(10%)	-	-	-	-	*(14.999.998.000)*
Số dư cuối năm nay	**149.999.980.000**	**154.777.960.000**	**176.414.333.451**	**15.614.809.332**	**31.907.852.335**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	%	01/01/2012 VND	%
Vốn góp của Nhà nước (*)	-	27,31	40.969.490.000	27,31
Vốn góp của các đối tượng khác	149.999.980.000	72,69	109.030.490.000	72,69
Cộng	**149.999.980.000**	**100**	**149.999.980.000**	**100**

(*) Trong năm 2012, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) đã thoái toàn bộ vốn tại công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	149.999.980.000	149.999.980.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	149.999.980.000	149.999.980.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.999.996.000	29.999.996.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.999.998	14.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	*14.999.998*	*14.999.998*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.999.998	14.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	*14.999.998*	*14.999.998*

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

		Năm nay VND	Năm trước VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.500.945.145.654**	**1.578.637.410.503**
	Trong đó:		
	- Doanh thu bán hàng hóa	53.401.716.355	50.321.833.755
	- Doanh thu bán thành phẩm	1.447.543.429.299	1.528.315.576.748
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**8.525.213.224**	**8.004.748.872**
	Giảm giá hàng bán	-	104.858.073
	Hàng bán bị trả lại	8.525.213.224	7.899.890.799
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.492.419.932.430**	**1.570.632.661.631**
	Doanh thu thuần hàng hoá	53.401.716.355	50.321.833.755
	Doanh thu thuần thành phẩm	1.439.018.216.075	1.520.310.827.876

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.673.879.738	41.925.951.202
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.354.087.202.190	1.413.534.207.651
Cộng	**1.395.761.081.928**	**1.455.460.158.853**

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.023.131.068	9.036.210.013
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102.522.578	777.834.262
Lãi từ đầu tư chứng khoán	186.484.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.125.000	126.936.860
Cộng	**9.387.262.646**	**9.940.981.135**

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	154.133.333	1.008.578.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.860.227	3.822.384.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.470.595	185.876.417
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	774.224.682
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(576.096.682)	-
Lỗ do đầu tư chứng khoán	454.744.682	-
Chi phí tài chính khác	11.359.359	2.631.236
Cộng	**83.471.514**	**5.793.695.229**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.659.182.265	75.873.077.222
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	86.809.853	(353.069.952)
- Các khoản điều chỉnh tăng	365.655.681	325.560.828
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	*-*	*203.720.828*
+ Chi nộp phạt theo quyết toán thuế	*256.290.227*	*-*
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*109.365.454*	*121.840.000*
- Các khoản điều chỉnh giảm	278.845.828	678.630.780
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	*203.720.828*	*551.693.920*
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	*75.125.000*	*126.936.860*
Tổng lợi nhuận tính thuế	55.745.992.118	75.520.007.270
Trong đó:		
Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế suất (giảm 50%)	*-*	*67.492.375.307*
Thu nhập chịu thuế suất 25%	*55.745.992.118*	*8.027.631.963*
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**13.936.498.030**	**10.443.454.904**
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	814.833.900	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**14.751.331.930**	**10.443.454.904**

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.907.850.335	65.429.622.318
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.907.850.335	65.429.622.318
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.999.998	14.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.727**	**4.362**

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.140.607.662.790	1.188.947.696.827
Chi phí nhân công	140.779.352.746	128.644.853.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.085.835.526	44.533.423.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.546.862.829	51.236.389.924
Chi phí khác bằng tiền	27.497.861.233	22.553.424.812
Cộng	**1.409.517.575.124**	**1.435.915.789.338**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.418.748.600	3.558.402.701

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất sản phẩm bao bì, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012 VND	**01/01/2012** VND	**31/12/2012** VND	**01/01/2012** VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.629.339.309	116.004.899.012	39.629.339.309	116.004.899.012
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.455.578.551	190.537.313.681	196.455.578.551	190.537.313.681
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	756.252.000	932.950.000	756.252.000	932.950.000
Cộng	**236.841.169.860**	**307.475.162.693**	**236.841.169.860**	**307.475.162.693**
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	96.424.050.501	76.706.513.971	96.424.050.501	76.706.513.971
Chi phí phải trả	2.442.827.516	3.053.394.613	2.442.827.516	3.053.394.613
Cộng	**98.866.878.017**	**79.759.908.584**	**98.866.878.017**	**79.759.908.584**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà côngcụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khỏan phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập

dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài

chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	**98.866.878.017**	**-**	**98.866.878.017**
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	86.127.699.384	-	86.127.699.384
Chi phí phải trả	2.442.827.516	-	2.442.827.516
Phải trả khác	10.296.351.117	-	10.296.351.117
Số đầu năm	**79.759.908.584**	**-**	**79.759.908.584**
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	71.395.102.044	-	71.395.102.044
Chi phí phải trả	3.053.394.613	-	3.053.394.613
Phải trả khác	5.311.411.927	-	5.311.411.927

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty năm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Tp. HCM, ngày 05 tháng 05 năm 2013
CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ MINH CƯỜNG